

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ
THỦY LỢI BÌNH PHƯỚC
MST: 3800257786

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07 /CTDVTL

Đồng Xoài, ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT Năm báo cáo 2017

I. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

Công ty TNHH MTV Dịch vụ thủy lợi Bình Phước là doanh nghiệp công ích có nhiệm vụ quản lý khai thác các công trình thủy lợi, công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và dân sinh kinh tế.

1. Tình hình sản xuất kinh doanh 2014

- a. Tổng diện tích được tưới thực hiện trong năm: 3.061 ha;
- b. Sản lượng nước thô phục vụ nông nghiệp và công nghiệp: 4.312.762 m³;
- c. Khối lượng nước cung cấp cho sinh hoạt: 333.596 m³;
- d. Tổng doanh thu: 12,05 tỷ đồng;
- đ. Lợi nhuận thực hiện trong năm là: 0,81 tỷ đồng;
- e. Nộp ngân sách thực hiện trong năm là : 0,88 tỷ đồng.

2. Tình hình sản xuất kinh doanh 2015

- a. Tổng diện tích được tưới thực hiện trong năm: 4.282 ha;
- b. Sản lượng nước thô phục vụ nông nghiệp và công nghiệp: 4.998.637 m³;
- c. Khối lượng nước cung cấp cho sinh hoạt: 338.345 m³;
- d. Tổng doanh thu: 11,21 tỷ đồng;
- đ. Lợi nhuận thực hiện trong năm là: lỗ 1,76 tỷ đồng;
- e. Nộp ngân sách thực hiện trong năm là : 0,85 tỷ đồng.

3. Tình hình sản xuất kinh doanh 2016

- a. Tổng diện tích được tưới thực hiện trong năm: 5.112 ha;
- b. Sản lượng nước thô phục vụ nông nghiệp và công nghiệp: 5.049.119 m³;
- c. Khối lượng nước cung cấp cho sinh hoạt: 428.031 m³;
- d. Tổng doanh thu: 14,48 tỷ đồng;
- đ. Lợi nhuận thực hiện trong năm là: lỗ 0,23 tỷ đồng;
- e. Nộp ngân sách thực hiện trong năm là : 0,95 tỷ đồng.

4. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình sản



xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước trong 3 năm qua:

a. Thuận lợi:

- Nhờ chủ động trong việc tích nước tại các công trình hồ chứa vì vậy trong năm qua đã đảm bảo nguồn nước để phục vụ sản xuất;
- Chính quyền các cấp đã có sự quan tâm nhiều hơn đến công tác thủy lợi nên đã có sự phối hợp trong việc bảo vệ, quản lý và khai thác các công trình thủy lợi;
- Công ty đã được UBND tỉnh phê duyệt đề án tái cơ cấu giai đoạn 2014 – 2015. Đây là cơ sở và điều kiện để Công ty tiếp tục thực hiện việc xây dựng đơn giá tiền lương trong Công ty và việc giao khoán sản phẩm đối với các trạm cơ sở và người lao động.

b. Khó khăn:

*** Công tác QLKT Công trình thủy lợi**

- Tình trạng vi phạm pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi của một số tổ chức, cá nhân vẫn diễn ra ở một số công trình.

- Các công trình thủy lợi được xây dựng rải rác trên địa bàn toàn tỉnh với diện tích tưới nhỏ, manh mún và trong khu tưới công trình, người dân phần lớn đã chuyển đổi sang trồng các loại cây không sử dụng nước (Cao su, Điều). Thêm vào đó, các công trình thủy lợi mà Công ty tiếp nhận bàn giao từ Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam chỉ thực hiện tưới xung quanh lòng hồ và không có khu tưới ở hạ lưu. Từ những lý do trên, diện tích tưới ở các công trình chỉ đạt 50% so với nhiệm vụ thiết kế công trình. Trong khi đó, Công ty vẫn phải bố trí lao động quản lý, khai thác công trình và thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa ảnh hưởng đến kinh phí hoạt động của Công ty.

- Phần lớn các công trình thủy lợi mà Công ty tiếp nhận bàn giao từ Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam chỉ thực hiện tưới xung quanh lòng hồ

- Thủ tục, hồ sơ xin cấp bù thủy lợi phí còn rườm rà; hàng năm tiền TLP cấp bù cho Công ty còn chậm (định kỳ 2 lần/năm) làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty;

- Trong năm 2015, lượng mưa ít nên việc tích nước tại một số hồ chứa gặp khó khăn.

- Hầu hết công trình được đầu tư xây dựng chưa kiên cố hoàn chỉnh từ đầu mối đến kênh nội đồng nên việc điều tiết nước gặp nhiều khó khăn nhất là vào thời điểm cuối mùa khô. Mặt khác, một số công trình có tuyến kênh dài, đi qua địa hình phức tạp nên vào mùa mưa bùn đất trôi xuống kênh với khối lượng lớn gây khó khăn cho việc cấp nước tưới (Công trình HTTL Đắc Tôn, công trình HTTL An Khương);

- Người dân gieo trồng không thống nhất về thời vụ, loại cây trồng nên việc điều tiết nước ở hầu hết các công trình thủy lợi do Công ty quản lý còn gặp nhiều khó khăn;

- Các công trình đã được đầu tư xây dựng chưa được bảo dưỡng một cách toàn diện (do khó khăn về nguồn kinh phí) nên một số công trình đã có nguy cơ mất an toàn hồ chứa nhưng chưa được sửa chữa kịp thời. Điển hình như: bè cỏ nổi tại công trình Suối Lấp và công trình Hưng Phú, bồi lấp ngưỡng tràn tại công trình hồ Sa Cát).

*** Công tác QLKT Công trình nước sinh hoạt**

- Chi phí mua các loại hóa chất xử lý nước cao;

- Các tuyến đường ống cấp nước do nằm ngầm sâu dưới mặt đất vì vậy khi đường ống bị vỡ, hư hỏng rất khó phát hiện và khó xử lý dẫn đến tình trạng thất thoát nước;

3800
C
TA
DỊCH VỤ
BÌNH
PHƯỚC

- Ở một số công trình cấp nước do thời gian đưa vào hoạt động đã lâu nên các hạng mục như hệ thống bể lắng lọc nước (cát lọc, hạt lọc nổi) và các thiết bị xử lý hóa chất (các bơm định lượng) bị xuống cấp, hư hỏng làm ảnh hưởng đến việc cấp nước;

- Các công trình cấp nước nhỏ lẻ được đầu tư xây dựng đã lâu, công nghệ xử lý nước đã không còn phù hợp với tiêu chuẩn cấp nước hiện hành, gây khó khăn cho công ty trong việc tìm giải pháp để khắc phục;

- Trong năm 2015, việc di dời đường ống cấp nước phục vụ dự án mở rộng đường Quốc lộ 14 đi qua tuyến đường ống thuộc 2 công trình Cấp nước Đức Phong và Cấp nước Nghĩa Trung gây ảnh hưởng nhiều đến việc cấp nước cho người dân, ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty.

BIỂU SỐ 1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm báo cáo (năm 2017)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất					
1.1	Diện tích TLP đề nghị miễn giảm	ha	3.061	4.282	5.112	5.640
1.2	Sản lượng nước thô phục vụ nông nghiệp và công nghiệp	m ³	4.312.762	4.998.637	5.049.119	5.560.858
1.3	Sản lượng nước sạch thương phẩm bán ra	m ³	333.596	338.345	428.031	441.583
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	12,05	11,21	14,48	18,79
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,81	(1,76)	(0,23)	(0,13)
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	0,88	0,85	0,95	0,86
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD				
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)					
6.1	Diện tích TLP đề nghị miễn giảm	ha	3.061	4.282	5.112	5.640
6.2	Sản lượng nước thô phục vụ nông nghiệp và công nghiệp	m ³	4.312.762	4.998.637	5.049.119	5.560.858
6.3	Sản lượng nước sạch thương phẩm bán ra	m ³	333.596	338.345	428.031	441.583
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng				
a)	- Nguồn ngân sách	“				

25778
 ÔNG T
 HH MT
 U THỦ
 I PHÚC
 T. BÌNH

b)	- Vốn vay	“				
c)	- Vốn khác	“				
8	Tổng lao động	Người	85	90	94	90
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	3,80	6,3	6,5	7,3
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	0,38	1,1	1,05	0,9
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	3,42	5,2	5,49	6,4

II. Tình hình đầu tư tại các công ty con: không

Trên đây là Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm và 3 năm gần nhất phục vụ đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Công ty TNHH MTV dịch vụ thủy lợi Bình Phước.

Nơi nhận:

- Bộ KH&ĐT;
- UBND tỉnh;
- Website Công ty;
- Lưu: VT

GIÁM ĐỐC



Đặng Đình Thuận
Đặng Đình Thuận

